

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 57 thửa đất tại phường Tân Hoà và phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện phê duyệt giá đất cụ thể theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thành phố Về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của thành phố Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024 đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại phường Tân Lập và phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột.

Theo Tờ trình số 39/TTr-TTPTQĐĐL ngày 09/7/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 339/TTr-TNMT, ngày 18 tháng 7 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 57 thửa đất tại phường Tân Lập và phường Tân Hoà, thành phố Buôn Ma Thuột.

(Chi tiết có Bảng phụ lục kèm)

Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm các khoản thuế và lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật và có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu hệ giá đất tại Quyết định này không còn phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường hoặc chế độ chính sách của Nhà nước thay đổi dẫn đến không còn phù hợp với quy định của Nhà nước, Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk có trách nhiệm xác định lại giá khởi điểm hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 2. Căn cứ giá đất được phê duyệt tại Quyết định này, giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lựa chọn đơn vị có chức năng tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Luật đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Tài chính Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất Đắk Lắk; Thủ trưởng đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Hưng

Phụ lục

GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI 57 THỬA ĐẤT TẠI PHƯỜNG TÂN LẬP VÀ PHƯỜNG TÂN HÒA, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột)

STT	Vị trí thửa đất	Số hiệu thửa đất theo hồ sơ hoàn công	Số hiệu thửa đất theo bản đồ giải thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Hệ số góc	Giá đất ở theo Bảng giá đất của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ số 1880/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	Giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh (đã bao gồm hệ số góc) (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
A	Phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột				5.509,5					160.252.776.400
I	Khu B3				300,0					9.150.000.000
1	Đường QH 11,5m	B3-36	566	77	75,0	1	5.000.000	6,10	30.500.000	2.287.500.000
2	Đường QH 11,5m	B3-39	569	77	75,0	1	5.000.000	6,10	30.500.000	2.287.500.000
3	Đường QH 11,5m	B3-40	570	77	75,0	1	5.000.000	6,10	30.500.000	2.287.500.000
4	Đường QH 11,5m	B3-41	571	77	75,0	1	5.000.000	6,10	30.500.000	2.287.500.000
II	Khu B4				877,2					29.258.642.000
1	Đường QH 24m	B4-02	533	77	99,9	1	10.000.000	3,43	34.300.000	3.426.570.000
2	Đường QH 24m	B4-03	534	77	99,9	1	10.000.000	3,43	34.300.000	3.426.570.000
3	Góc đường QH 24m	B4-04	535	77	117,4	1,1	10.000.000	3,43	37.730.000	4.429.502.000
4	Đường QH 11,5m	B4-05	586	77	115,0	1	5.000.000	6,42	32.100.000	3.691.500.000
5	Đường QH 11,5m	B4-06	587	77	115,0	1	5.000.000	6,42	32.100.000	3.691.500.000
6	Đường QH 11,5m	B4-07	588	77	115,0	1	5.000.000	6,42	32.100.000	3.691.500.000
7	Đường QH 11,5m	B4-08	589	77	115,0	1	5.000.000	6,42	32.100.000	3.691.500.000
8	Đường QH 11,5m	B4-09	590	77	100,0	1	5.000.000	6,42	32.100.000	3.210.000.000
III	Khu B5				4.332,3					121.844.134.400
1	Góc đường QH 18m	B5-01	612	77	189,2	1,1	6.000.000	5,28	34.848.000	6.593.241.600
2	Đường QH 18m	B5-02	613	77	115,1	1	6.000.000	5,28	31.680.000	3.646.368.000
3	Đường QH 18m	B5-03	614	77	106,2	1	6.000.000	5,28	31.680.000	3.364.416.000

STT	Vị trí thửa đất	Số hiệu thửa đất theo hồ sơ hoàn công	Số hiệu thửa đất theo bản đồ giải thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Hệ số góc	Giá đất ở theo Bảng giá đất của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ số 1880/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	Giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh (đã bao gồm hệ số góc) (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
4	Đường QH 18m	B5-04	615	77	96,3	1	6.000.000	5,28	31.680.000	3.050.784.000
5	Đường QH 18m	B5-05	616	77	110,5	1	6.000.000	5,28	31.680.000	3.500.640.000
6	Đường QH 18m	B5-06	617	77	98,8	1	6.000.000	5,28	31.680.000	3.129.984.000
7	Đường QH 18m	B5-07	618	77	86,8	1	6.000.000	5,28	31.680.000	2.749.824.000
8	Đường QH 18m	B5-08	619	77	116,2	1,05	6.000.000	5,28	33.264.000	3.865.276.800
9	Đường QH 11,5m	B5-09	620	77	115,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.335.000.000
10	Đường QH 11,5m	B5-10	621	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
11	Đường QH 11,5m	B5-11	622	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
12	Đường QH 11,5m	B5-12	623	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
13	Đường QH 11,5m	B5-15	626	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
14	Đường QH 11,5m	B5-16	627	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
15	Đường QH 11,5m	B5-17	628	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
16	Đường QH 11,5m	B5-18	629	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
17	Đường QH 11,5m	B5-19	630	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
18	Đường QH 11,5m	B5-20	631	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
19	Đường QH 11,5m	B5-21	632	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
20	Đường QH 11,5m	B5-22	633	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
21	Đường QH 11,5m	B5-23	634	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
22	Đường QH 11,5m	B5-24	635	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
23	Đường QH 11,5m	B5-25	636	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
24	Đường QH 11,5m	B5-26	637	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
25	Đường QH 11,5m	B5-27	638	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
26	Đường QH 11,5m	B5-28	639	77	125,0	1	5.000.000	5,80	29.000.000	3.625.000.000
27	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-30	641	77	111,8	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.571.400.000

STT	Vị trí thửa đất	Số hiệu thửa đất theo hồ sơ hoàn công	Số hiệu thửa đất theo bản đồ giải thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Hệ số góc	Giá đất ở theo Bảng giá đất của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ số 1880/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	Giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh (đã bao gồm hệ số góc) (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
28	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-31	642	77	113,0	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.599.000.000
29	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-32	643	77	114,3	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.628.900.000
30	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-33	644	77	115,5	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.656.500.000
31	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-34	645	77	116,7	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.684.100.000
32	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-35	646	77	117,9	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.711.700.000
33	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-36	647	77	119,2	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.741.600.000
34	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-37	648	77	120,4	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.769.200.000
35	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-38	649	77	121,6	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.796.800.000
36	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ	B5-39	650	77	122,8	1	4.000.000	5,75	23.000.000	2.824.400.000
B	Phường Tân Hòa, thành phố Buon Ma Thuột				1.086,1					34.755.200.000
1	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-02	1103	4	128,3	1	8.000.000	4,00	32.000.000	4.105.600.000
2	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-06	1099	4	127,1	1	8.000.000	4,00	32.000.000	4.067.200.000
3	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-07	1098	4	126,7	1	8.000.000	4,00	32.000.000	4.054.400.000

STT	Vị trí thửa đất	Số hiệu thửa đất theo hồ sơ hoàn công	Số hiệu thửa đất theo bản đồ giải thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Hệ số góc	Giá đất ở theo Bảng giá đất của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ số 1880/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	Giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh (đã bao gồm hệ số góc) (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
4	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-12	1093	4	122,4	1	8.000.000	4,00	32.000.000	3.916.800.000
5	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-14	1091	4	119,4	1	8.000.000	4,00	32.000.000	3.820.800.000
6	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-15	1090	4	117,8	1	8.000.000	4,00	32.000.000	3.769.600.000
7	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-16	1089	4	116,3	1	8.000.000	4,00	32.000.000	3.721.600.000
8	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-17	1088	4	114,8	1	8.000.000	4,00	32.000.000	3.673.600.000
9	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)	LK01-18	1087	4	113,3	1	8.000.000	4,00	32.000.000	3.625.600.000
Tổng cộng					6.595,6					195.007.976.400

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại phường Tân Lập và phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất; sửa đổi, bổ sung khoản 12, điều 4 của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt giá đất cụ thể theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 138/TTr-STC ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 2098/STC-QLG&CS ngày 20 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tăng hệ số điều chỉnh giá đất xác định giá khởi điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất các thửa đất tại phường Tân Lập và phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột (*Chi tiết Phụ lục kèm theo*).

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất nêu trên có giá trị đến hết ngày 31/12/2024. Sau khi nhận quyết định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm của UBND tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk khẩn trương hoàn thiện các thủ tục tham mưu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu hệ số điều chỉnh giá đất trên không còn phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường hoặc chế độ chính sách của Nhà nước thay đổi dẫn đến không còn phù hợp với quy định của Nhà nước, Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk có trách nhiệm xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk có trách nhiệm

a) Tham mưu, trình UBND thành phố Buôn Ma Thuột xem xét, quyết định phê duyệt giá khởi điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

b) Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất trên sau khi hoàn thiện thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn và đồng thời gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. UBND thành phố Buôn Ma Thuột có trách nhiệm xem xét, quyết định phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất khi nhận được Văn bản đề nghị quyết định giá khởi điểm của Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (U 20b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỂ XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM THEO PHƯƠNG
PHÁP HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC THỬA ĐẤT TẠI PHƯỜNG TÂN LẬP
VÀ PHƯỜNG TÂN HÒA, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên thửa đất	Giá đất ở trong Bảng giá đất (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh quy định	Hệ số điều chỉnh giá đất để đấu giá quyền sử dụng đất
A	Phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột			
I	Khu B3			
1	B3-36	5.000.000	1,50	6,10
2	B3-39	5.000.000	1,50	6,10
3	B3-40	5.000.000	1,50	6,10
4	B3-41	5.000.000	1,50	6,10
II	Khu B4			
1	B4-02	10.000.000	1,50	3,43
2	B4-03	10.000.000	1,50	3,43
3	B4-04	10.000.000	1,50	3,43
4	B4-05	5.000.000	1,50	6,42
5	B4-06	5.000.000	1,50	6,42
6	B4-07	5.000.000	1,50	6,42
7	B4-08	5.000.000	1,50	6,42
8	B4-09	5.000.000	1,50	6,42
III	Khu B5			
1	B5-01	6.000.000	1,50	5,28
2	B5-02	6.000.000	1,50	5,28
3	B5-03	6.000.000	1,50	5,28
4	B5-04	6.000.000	1,50	5,28
5	B5-05	6.000.000	1,50	5,28
6	B5-06	6.000.000	1,50	5,28
7	B5-07	6.000.000	1,50	5,28
8	B5-08	6.000.000	1,50	5,28
9	B5-09	5.000.000	1,50	5,80
10	B5-10	5.000.000	1,50	5,80
11	B5-11	5.000.000	1,50	5,80
12	B5-12	5.000.000	1,50	5,80
13	B5-15	5.000.000	1,50	5,80
14	B5-16	5.000.000	1,50	5,80
15	B5-17	5.000.000	1,50	5,80
16	B5-18	5.000.000	1,50	5,80
17	B5-19	5.000.000	1,50	5,80

18	B5-20	5.000.000	1,50	5,80
19	B5-21	5.000.000	1,50	5,80
20	B5-22	5.000.000	1,50	5,80
21	B5-23	5.000.000	1,50	5,80
22	B5-24	5.000.000	1,50	5,80
23	B5-25	5.000.000	1,50	5,80
24	B5-26	5.000.000	1,50	5,80
25	B5-27	5.000.000	1,50	5,80
26	B5-28	5.000.000	1,50	5,80
27	B5-30	4.000.000	1,50	5,75
28	B5-31	4.000.000	1,50	5,75
29	B5-32	4.000.000	1,50	5,75
30	B5-33	4.000.000	1,50	5,75
31	B5-34	4.000.000	1,50	5,75
32	B5-35	4.000.000	1,50	5,75
33	B5-36	4.000.000	1,50	5,75
34	B5-37	4.000.000	1,50	5,75
35	B5-38	4.000.000	1,50	5,75
36	B5-39	4.000.000	1,50	5,75
B	Phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột			
1	LK01-02	8.000.000	1,50	4,00
2	LK01-06	8.000.000	1,50	4,00
3	LK01-07	8.000.000	1,50	4,00
4	LK01-12	8.000.000	1,50	4,00
5	LK01-14	8.000.000	1,50	4,00
6	LK01-15	8.000.000	1,50	4,00
7	LK01-16	8.000.000	1,50	4,00
8	LK01-17	8.000.000	1,50	4,00
9	LK01-18	8.000.000	1,50	4,00

Số: /QĐ-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024 đối với
61 thửa đất được UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất
Đăk Lăk tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 45/2014/NĐ-
CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định
số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều
của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định
việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng
đất hoặc cho thuê đất;*

*Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh
Đăk Lăk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư
tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk và
Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 26/08/2016 của UBND tỉnh Đăk Lăk về
việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Tổ dân phố
4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk; Quyết định số
24/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc cho phép
chuyển mục đích sử dụng 22.819,4 m² đất tại phường Tân Lập, thành phố Buôn
Ma Thuột từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị và đất giao thông để xây
dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thuộc dự án Đầu tư
xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất thuộc Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân
Lập, thành phố Buôn Ma Thuột;*

*Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh
Đăk Lăk về việc cho phép Trung tâm phát triển quỹ đất Đăk Lăk chuyển mục*

dịch sử dụng 145.970,0 m² đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp để thực hiện Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột; Quyết định số 2948/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng 11.856,5 m² đất tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột từ đất thương mại, dịch vụ sang đất ở tại đô thị để xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện phê duyệt giá đất cụ thể theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 65/TTr-STNMT ngày 05 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

1. Danh mục loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị (57 thửa đất) và đất ở nông thôn (04 thửa đất).

- Tổng số thửa đất đấu giá: 61 thửa.

- Diện tích: 7.772,9 m².

- Vị trí khu đất:

+ Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma

Thuật gồm 09 thửa đất, diện tích 1.086,1 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 10765/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/9/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập.

+ Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập gồm 48 thửa đất, diện tích 5.509,5 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 12101/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 07/10/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập.

+ Khu đất dự án Hạ tầng giao thông Trung tâm xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc gồm 04 thửa đất, diện tích 1.177,3 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 4061/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 24/4/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập.

- Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện chiếu sáng khu đất, đã được đầu tư hoàn thiện.

- Tài sản gắn liền với đất: Không (*đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng*).

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời gian sử dụng đất: Lâu dài.

(Danh sách 61 thửa đất theo Phụ lục đính kèm)

2. Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết:

- Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Khu đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Krông Pắc và Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quy hoạch xây dựng: Khu đất thực hiện dự án thuộc quy hoạch phân lô bán đấu giá quyền sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể:

+ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 26/08/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất tại phường Tân

Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND huyện Krông Pắc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc; Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND huyện Krông Pắc phê duyệt điều chỉnh điểm b, mục 1.3 Điều 1 Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND huyện Krông Pắc về Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc.

3. Việc xác định và phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất do UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND huyện Krông Pắc thực hiện theo ủy quyền của UBND tỉnh tại Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 06/6/2023.

4. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất: Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024 đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Chủ tịch UBND huyện Krông Pắc; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (U 07b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục
DANH SÁCH 61 THỬA ĐẤT TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Ký hiệu thửa đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Vị trí thửa đất
I	Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập					
1	B3-36	566	77	ODT	75,0	Đường QH 11,5m
2	B3-39	569	77	ODT	75,0	Đường QH 11,5m
3	B3-40	570	77	ODT	75,0	Đường QH 11,5m
4	B3-41	571	77	ODT	75,0	Đường QH 11,5m
5	B4-02	533	77	ODT	99,9	Đường QH 24m
6	B4-03	534	77	ODT	99,9	Đường QH 24m
7	B4-04	535	77	ODT	117,4	Góc đường QH 24m
8	B4-05	586	77	ODT	115,0	Đường QH 11,5m
9	B4-06	587	77	ODT	115,0	Đường QH 11,5m
10	B4-07	588	77	ODT	115,0	Đường QH 11,5m
11	B4-08	589	77	ODT	115,0	Đường QH 11,5m
12	B4-09	590	77	ODT	100,0	Đường QH 11,5m
13	B5-01	612	77	ODT	189,2	Góc đường QH 18m
14	B5-02	613	77	ODT	115,1	Đường QH 18m
15	B5-03	614	77	ODT	106,2	Đường QH 18m
16	B5-04	615	77	ODT	96,3	Đường QH 18m
17	B5-05	616	77	ODT	110,5	Đường QH 18m
18	B5-06	617	77	ODT	98,8	Đường QH 18m
19	B5-07	618	77	ODT	86,8	Đường QH 18m
20	B5-08	619	77	ODT	116,2	Đường QH 18m
21	B5-09	620	77	ODT	115,0	Đường QH 11,5m
22	B5-10	621	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
23	B5-11	622	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
24	B5-12	623	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
25	B5-15	626	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
26	B5-16	627	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
27	B5-17	628	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
28	B5-18	629	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
29	B5-19	630	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
30	B5-20	631	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
31	B5-21	632	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
32	B5-22	633	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m

STT	Ký hiệu thửa đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Vị trí thửa đất
33	B5-23	634	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
34	B5-24	635	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
35	B5-25	636	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
36	B5-26	637	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
37	B5-27	638	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
38	B5-28	639	77	ODT	125,0	Đường QH 11,5m
39	B5-30	641	77	ODT	111,8	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
40	B5-31	642	77	ODT	113,0	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
41	B5-32	643	77	ODT	114,3	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
42	B5-33	644	77	ODT	115,5	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
43	B5-34	645	77	ODT	116,7	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
44	B5-35	646	77	ODT	117,9	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
45	B5-36	647	77	ODT	119,2	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
46	B5-37	648	77	ODT	120,4	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
47	B5-38	649	77	ODT	121,6	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
48	B5-39	650	77	ODT	122,8	Hẻm 193, đường Nguyễn Văn Cừ
II	Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật phường Tân Hòa, thành phố Buon Ma Thuột					
49	LK01-02	1103	4	ODT	128,30	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
50	LK01-06	1099	4	ODT	127,10	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
51	LK01-07	1098	4	ODT	126,70	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
52	LK01-12	1093	4	ODT	122,40	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
53	LK01-14	1091	4	ODT	119,40	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
54	LK01-15	1090	4	ODT	117,80	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
55	LK01-16	1089	4	ODT	116,30	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
56	LK01-17	1088	4	ODT	114,80	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
57	LK01-18	1087	4	ODT	113,30	Đường Phạm Văn Đồng (QH 50m)
III	Khu đất dự án Hạ tầng giao thông Trung tâm xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc					
58	A10 - 05	388	95	ONT	294,4	Đường N10 (rộng 16m)
59	A10 - 06	393	95	ONT	294,3	Đường N10 (rộng 16m)
60	A10 - 07	399	95	ONT	294,3	Đường N10 (rộng 16m)
61	A10 - 08	403	95	ONT	294,3	Đường N10 (rộng 16m)
Tổng					7.772,9	

Số: **598**/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **21** tháng **02** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Đắk Lắk để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 26/08/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng 22.819,4 m² đất tại phường Tân Lập, thành phố Buôn



Ma Thuột từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị và đất giao thông để xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thuộc dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất thuộc Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk chuyển mục đích sử dụng 145.970,0 m² đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp để thực hiện Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột; Quyết định số 2948/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng 11.856,5 m² đất tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột từ đất thương mại, dịch vụ sang đất ở tại đô thị để xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 17/1/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Krông Pắc; Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Buôn Ma Thuột;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 35/TTr-STNMT ngày 29 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Đắk Lắk để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Loại đất đấu giá: Đất ở tại nông thôn và đất ở đô thị
- Tổng số thửa đất: 61 thửa (đất ở nông thôn: 04 thửa; đất ở đô thị: 57 thửa)
- Diện tích: Khoảng 7.772,9 m².
- Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện chiếu sáng khu đất, đã được đầu tư hoàn thiện.
- Tài sản gắn liền với đất: Không (đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng).
- Vị trí các khu đất đấu giá:

+ Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột gồm 09 thửa đất, diện tích 1.086,1 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 10765/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/9/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập;


+ Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập gồm 48 thửa đất, diện tích 5.509,5 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 12101/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 07/10/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập;

+ Khu đất dự án Hạ tầng giao thông Trung tâm xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc gồm 04 thửa đất, diện tích 1.177,3 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 4061/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 24/4/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập.

(Chi tiết theo Phương án đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk tổ chức thực hiện các nội dung Phương án được phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột, Chủ tịch UBND huyện Krông Pắc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (U 10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Thiên Văn

PHƯƠNG ÁN

**Đấu giá quyền sử dụng đất đối với 61 thửa đất được UBND tỉnh Đắk Lắk
giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Đắk Lắk để tổ chức
đấu giá quyền sử dụng đất**

*(Kèm theo Quyết định số **598** /QĐ-UBND ngày **21** / **02** /2024 của UBND tỉnh)*

A. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Công văn số 4339/BTNMT-ĐĐ ngày 13/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn vướng mắc đất đai theo Công văn số 3049/UBND-NNMT ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 26/08/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày

06/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng 22.819,4 m² đất tại phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị và đất giao thông để xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thuộc dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất thuộc Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk chuyển mục đích sử dụng 145.970,0 m² đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp để thực hiện Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột; Quyết định số 2948/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng 11.856,5 m² đất tại phường Tân Hoà, thành phố Buôn Ma Thuột từ đất thương mại, dịch vụ sang đất ở tại đô thị để xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 17/1/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Krông Pắc; Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Buôn Ma Thuột.

B. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. MỤC ĐÍCH ĐẤU GIÁ: Khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

II. PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT:

1. Danh mục loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất (nếu có):

- Vị trí các khu đất đấu giá như sau:

+ Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột gồm 09 thửa đất, diện tích 1.086,1 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 10765/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/9/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập;

+ Khu đất dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập gồm 48 thửa đất, diện tích 5.509,5 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 12101/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 07/10/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập;

+ Khu đất dự án Hạ tầng giao thông Trung tâm xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc gồm 04 thửa đất, diện tích 1.177,3 m², đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn, vị trí khu đất được xác định theo Trích lục số 4061/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 24/4/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập;

- Loại đất đấu giá: Đất ở tại nông thôn và đất ở đô thị

- Tổng số thửa đất: 61 thửa (đất ở nông thôn: 4 thửa; đất ở đô thị: 57 thửa)

- Diện tích khoảng: 7.772,9 m².

- Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện chiếu sáng khu đất, đã được đầu tư hoàn thiện.

- Tài sản gắn liền với đất: Không (đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng) (BT, GPMB).

2. Kế hoạch đấu giá: Tổ chức đấu giá sau khi được UBND tỉnh ban hành Quyết định đấu giá cho đến hết tháng 12/2024. Đưa tất cả các thửa đất đủ điều kiện ra đấu giá trong một đợt đấu giá (thực hiện đấu giá riêng lẻ từng thửa đất). Các đợt đấu giá sau, đưa các thửa đất đủ điều kiện mà đợt trước đấu giá không thành ra đấu giá (thực hiện đấu giá riêng lẻ từng thửa đất).

3. Mục đích, hình thức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất

+ Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị (ODT) và đất ở nông thôn (ONT)

+ Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

4. Thời gian thực hiện đấu giá: Tổ chức đấu giá sau khi được UBND tỉnh ban hành quyết định đấu giá cho đến hết tháng 12/2024

5. Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước khi tham gia đấu giá:

5.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân

5.2. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

a) Người tham gia đấu giá

- Hộ gia đình, cá nhân tham gia đấu giá có đủ các điều kiện được quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản và Mục 2, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ và khoản 1, Điều 55, Luật Đất đai năm 2013.

- Có Đơn đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất theo mẫu quy định;

- Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thay mặt mình tham gia đấu giá.

b) Người không được tham gia đấu giá: Những người thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản và không thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất quy định tại khoản 1, Điều 55, Luật Đất đai năm 2013.

5.3. Tiền bán hồ sơ và khoản tiền đặt trước khi tham gia đấu giá

a) Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá: Thực hiện theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá: 20% giá khởi điểm của tài sản đấu giá.

c) Xử lý tiền đặt trước

- Người tham gia đấu giá được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

- Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

- Kể từ thời điểm công bố kết quả trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và

tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ, thì Cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp có thẩm quyền huỷ Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

6. Hình thức và phương thức thực hiện bán đấu giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Tổ chức đấu giá từng thửa đất riêng biệt theo sơ đồ phân lô được phê duyệt; thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Đấu giá tài sản, sau khi có sự thống nhất giữa Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk và Tổ chức đấu giá tài sản.

6.2. Phương thức đấu giá: Áp dụng phương thức trả giá lên (Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá quyền sử dụng đất được quy định cụ thể trong Quy chế cuộc đấu giá và công bố công khai cho người tham gia đấu giá biết).

7. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá, dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

7.1. Dự kiến kinh phí thu, chi từ tiền sử dụng đất:

Dự kiến giá trị thu được khoảng: 225.482.000.000 đồng.

* Giá trị thu được thực tế: Là số tiền thu được theo kết quả đấu giá thành của phiên đấu giá quyền sử dụng đất (theo Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND tỉnh Đắk Lắk).

7.2. Dự toán thu, chi hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất

- Dự toán thu được : 61.000.000 đồng

- Dự toán chi : 338.949.000 đồng.

Chênh lệch thu – chi hoạt động đấu giá đề nghị UBND tỉnh bổ sung kinh phí:

61.000.000 đồng – 338.949.000 đồng = - 277.949.000 đồng.

(Chi tiết có dự toán thu – chi kinh phí thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất kèm theo)

8. Phương thức lựa chọn Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá: Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản công khai theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và pháp luật về đấu thầu.

9. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất: Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk.

III. PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ BÁN ĐẤU GIÁ, NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, HỦY KẾT QUẢ TRÚNG ĐẤU GIÁ; CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, BÀN GIAO ĐẤT TRÊN THỰC ĐỊA CHO NGƯỜI TRÚNG ĐẤU GIÁ:

1. Phê duyệt kết quả bán đấu giá:

- Sau khi tổ chức cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất thành công, đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá chuyển toàn bộ hồ sơ bán đấu giá cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk. Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk gửi hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường đề trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Trình tự, nội dung phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BTNMT-BTP.

2. Nộp tiền sử dụng đất

a) Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của UBND cấp tỉnh, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của UBND cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với cơ quan Đăng ký đất đai tập hợp đầy đủ hồ sơ chuyển đến Cơ quan Thuế để ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Cơ quan Đăng ký đất đai chuyển đến, Cơ quan Thuế gửi Thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người trúng đấu giá. Thông báo nộp tiền sử dụng đất có nội dung quy định tại khoản 2, Điều 13 Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BTNMT-BTP.

b) Thời hạn nộp tiền:

- Lần thứ nhất: Chậm nhất là 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo Thông báo;

- Lần thứ hai: Chậm nhất là 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo.

Trường hợp người trúng đấu giá nộp tiền chậm so với thời hạn quy định tại Phương án đấu giá, Quyết định trúng đấu giá hoặc Thông báo của Cơ quan Thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế. Số ngày chậm nộp được tính từ thời điểm người trúng đấu giá nộp tiền vào ngân sách chậm so với thời hạn quy định trên Thông báo nộp tiền đến ngày thứ 120 (một trăm hai mươi) kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá. Sau 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, Cơ quan Thuế không tính và thu tiền chậm nộp.

c) Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền theo Thông báo của Cơ quan Thuế và chuyển chứng từ nộp tiền cho Cơ quan Tài nguyên và Môi trường để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Hủy kết quả trúng đấu giá: Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong vòng 120 (*một trăm*

hai mươi) ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá thì Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh huỷ Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Tiền đặt cọc (tiền đặt trước và lãi nếu có) được xử lý theo mục 5, phần II, Phương án đấu giá này.

4. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, tổ chức bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk

- Lựa chọn và ký kết hợp đồng với Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định về bán đấu giá tài sản và các quy định pháp luật khác về đất đai;

- Tổng hợp kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá đối với các thửa đất đấu giá thành;

- Tổng hợp hồ sơ kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển Cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ chuyển Cơ quan Thuế ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Các sở, ngành có liên quan theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk – Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện.



Phụ lục
DỰ TOÁN THU – CHI

(Kèm theo Quyết định số **598** /QĐ-UBND ngày **21** /**02**/2024 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Dự toán thu			61.000.000	
1	Thu từ bán hồ sơ tham gia đấu giá	122	500.000	61.000.000	Bình quân mỗi thửa đất bán được 02 bộ hồ sơ, giá bán hồ sơ 500.000 đ/bộ theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017
2	Thu tiền đặt trước (do người tham gia đấu giá vi phạm)				Khả năng người tham gia đấu giá vi phạm rất thấp (số liệu qua các đợt đấu giá không có trường hợp xảy ra) nên ghi nhận mục này là 0 đồng
B	Dự toán chi			338.949.000	
1	Chi cho tổ chức thực hiện cuộc đấu giá (59,09 triệu + 1% x phần tăng thêm sau đấu giá)*1,1 dự kiến mỗi thửa tăng 300 triệu đồng			266.299.000	Mức tối đa theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC, chi phí đã bao gồm VAT (thanh toán theo thực tế đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan)
2	Tổ chức cho người mua hồ sơ đấu giá đi xem thực địa khu đất đấu giá. Dự kiến trong năm thông báo đấu giá cho 03 lần. Mỗi lần cử 01 người phụ trách hướng dẫn người mua hồ sơ xem thực địa mỗi khu đất (03 khu đất là 03 người phụ trách)	9	150.000	1.350.000	Thanh toán theo thực tế đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước
3	Chi công khai đấu giá trên báo địa phương + đài truyền hình địa phương (dự kiến đấu giá 03 lần)	3	5.500.000	16.500.000	Thanh toán theo chứng từ hợp lệ (đã bao gồm VAT)

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
4	Chi panô, băng rôn công khai thông tin tại khu đất đấu giá (03 khu đất)	3	15.000.000	45.000.000	
7	Chi phí cho việc bàn giao thực địa cho người trúng đấu giá Dự kiến trong năm tổ chức đấu giá cho 03 lần. Mỗi lần cử 01 người phụ trách bàn giao đất cho người trúng đấu giá cho mỗi khu đất (03 khu đất là 03 người phụ trách)	9	150.000	1.350.000	Công tác phí
8	Lập Phương án đấu giá quyền sử dụng đất	5	150.000	750.000	Chi cho cán bộ lập Phương án (làm thêm giờ nếu có)
9	Chi cho cán bộ của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thực hiện nhiệm vụ giám sát cuộc đấu giá (03 lần, mỗi lần 06 người)	18	150.000	2.700.000	
10	Chi văn phòng phẩm (giấy, in, photo, công chứng....)			5.000.000	Chi theo thực tế, chế độ theo quy định
C	Chênh lệch thu - chi			- 277.949.000	
D	Kinh phí Ngân sách nhà nước bổ sung			277.949.000	